

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						645 319	239 542	405 658			
I	CẢNG CHÍNH						146 770	9 897	136 873			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						2 300	2 231	69			
1	DV VT QUẢNG NINH	22/5	1290/5	29/5	BN 2518	CỤC XÔ 1C	1 600	1 535	65	27/5	TD	GIA HẠN L1
2	VIỆT ANH	26/5	1361/5	31/5	HN 2028	CỤC 4A.1	700	696	4	27/5	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						57 469	7 666	49 803			
1	ĐIỆN VĨNH TẤN 2	21/5	336/5		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 500		27 500		HỘ LỖN	TTCO: 15.500 - CLM: 7.000 - KDTCP: 5.000
2	NHÔM ĐẮK NÔNG	24/5	1351/5	31/5	THANH BÌNH 68 (BN-2358)	CÁM 5A.1	4 100	988	3 112	RÓT DỖ	BAUXIT	
3	NHÔM ĐẮK NÔNG	24/5	1351/5	31/5	THANH BÌNH 68 (BN-2358)	CỤC 4A.2	2 400	1 272	1 128	RÓT DỖ	BAUXIT	
4	KDT MIỀN BẮC	22/5	1335/5	31/5	VTA POSEIDON	CÁM 5A.1	15 400	5 406	9 994	RÓT DỖ	PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	22/5	1335/5	31/5	VTA POSEIDON	CÁM 6A.1	6 100		6 100		PTCB	
6	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1354/5	31/5	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969		1 969		PTCB	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						87 001		87 001			
1	ĐẠM NINH BÌNH	18/5	332/5	31/5	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỖN	
2	ĐẠM NINH BÌNH	27/5	347/5	31/5	NB 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005		HỘ LỖN	
3	ĐIỆN VĨNH TẤN 1	27/5	346/5		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 150		25 150		HỘ LỖN	
4	ĐIỆN VŨNG ANG	27/5	348/5		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750		HỘ LỖN	
5	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 5A.1	14 800		14 800		PTCB	
6	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 6A.1	5 200		5 200		PTCB	
7	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1355/5	31/5	BN 2012	CÁM 5A.1	1 972		1 972		PTCB	
8	KDT BẮC TRUNG BỘ	27/5	1371/5	31/5	NB 6619	CÁM 4B.1	1 389		1 389		PTCB	
9	KDT HẢI PHÒNG	27/5	1374/5	31/5	HP 4854	CÁM 5A.1	1 350		1 350		PTCB	
10	TNV HẢI DUƠNG	22/5	1289-B/5	29/5	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
11	VTA	20/5	1329/5	27/5	HP 6093	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	
12	VTT	21/5	1330/5	28/5	HD 2225	CỤC XÔ 1C	940		940		TD	
13	HÀNG HẢI VN	21/5	1331/5	28/5	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
14	CROMIT	22/5	1340/5	29/5	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
15	DV VT QUẢNG NINH	24/5	1348/5	31/5	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
16	KDT BẮC TRUNG BỘ	27/5	1370/5	31/5	NB 6489	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
	<i>Tàu chuyển tải</i>						303 450	119 780	183 670			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						71 450	70 815	635			
1	ĐIỆN VĨNH TẤN 1	15/5	323/5		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 200	26 971	229	27/5	HỘ LỖN	TTHG: 21.522,77 - KVCP: 5.447,97

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/5	327-B/5		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 550	23 382	168	27/5	HỘ LỚN	KDTC: 7.922,45 - CLM: 12.131,58 - KVCP: 3.327,71
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	318/5		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	20 463	237	27/5	HỘ LỚN	TTHG: 15.524,27 - KVCP: 4.938,5
Tàu dự kiến rót trong ngày							136 750	48 965	87 785			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/5	339/5		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	2 082	20 918	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/5	342-B/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	4 079	37 171	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTC: 17.000 - CLM: 15.000 - KVCP: 9.250
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	319/5		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200	27 198	19 002	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.197,60 - TTHG: 21.000
4	ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/5	343/5		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300	15 606	10 694	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 15.606,21 - CLM: 11.000
Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							95 250		95 250			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	23/5	340/5		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800		22 800		HỘ LỚN	CLM: 17.000 - KVDB: 5.800
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	344/5		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 150		23 150		HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.150
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	345/5		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.300
4	ĐIỆN DUYÊN HẢI	27/5	349/5		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 000		26 000		HỘ LỚN	TTCO: 20.000 - CLM: 6.000
II	KHO G9-HÓA CHẤT						55 914	7 976	47 938			
Tàu đã làm hàng							3 100	3 043	57			
1	CẦU ĐUỐNG	20/5	1328/5	27/5	BN 2228	CỤC 1A	1 000	983	17	27/5	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	MV YANGZE 901	20/5	2 534		CỬA ÔNG 16	TNK ÚC	2 100	2 060	40	27/5		
Tàu dự kiến rót trong ngày							9 712	4 933	4 779			
1	COALIMEX	25/5	1359/5	31/5	QN 8730	CÁM 4A.1	5 832	2 879	2 953	RÓT DỖ	PTCB	NGUỒN CS
2	VTA POSEIDON	25/5	2 636		CẨM PHẢ 22	TNK LÀO	3 880	2 054	1 826	BỐC DỖ		
Tàu đã làm lệnh							43 102		43 102			
1	KDT BẮC TRUNG BỘ	26/5	1366/5	31/5	NB 2952	CÁM 4A.1	1 050		1 050		PTCB	NGUỒN CS
2	KDT MIỀN BẮC	27/5	1368/5	31/5	BN 2662	CÁM 4A.1	1 900		1 900		PTCB	NGUỒN CS
3	KDT HẢI PHÒNG	27/5	1373/5	31/5	HP 6863	CÁM 4A.1	2 300		2 300		PTCB	NGUỒN CS
4	TRƯỜNG ANH 888	23/5	1146/4	31/5	BN 2056	CỤC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	THAN ƯƠNG BÍ	24/5	1176/4	31/5	BN 1883	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	V TRACO	25/5	1352/5	31/5	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1358/5	31/5	BN 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	KDT HÀ NỘI	26/5	1362/5	31/5	BN 1862	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	THAN MIỀN NAM	26/5	1363/5	31/5	BN 2335	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	CROMIT	24/5	1308/5	31/5	BN 1386	ĐON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL
11	DV VT QUẢNG NINH	26/5	1132/4	31/5	BN 0937	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	COALIMEX	27/5	1078/4	31/5	BN 2519	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	ÚC		TMB		MV YANGZE 901		30 000	23 750	6 250		BỐC DỖ	TTCO: 15.000 - KVCP: 15.000
2	MOZAMBIQUE		CLM		MV XIAO MAY		10 000	4 400	5 600		BỐC DỖ	KVCP: 10.000
3	ÚC		TMB		MV YUE DIAN 83		10 000	5 200	4 800		BỐC DỖ	TTCO: 10.000
4	ÚC		CLM		AQUAGEM		10 000	2 100	7 900		BỐC DỖ	KVCP: 10.000
5	LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 235-02		5 000		5 000			KVCP: 5.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		5 000		5 000			TTCO: 5.000